

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 34/2024/DS-ST

Ngày: 12 - 8 - 2024

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Y Míp Niê

2. Bà Nguyễn Thị Chinh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nông Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Đức Bùi – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2024/TLST- DS, ngày 19 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐST - DS ngày 05 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐST–DS ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà **Hoàng Thị L**, sinh năm 1975 (Có mặt);

Trú tại: Thôn A, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Bị đơn:*** Ông **Ngân Văn K** (Vắng mặt) và bà **Ngân Thị H**, sinh năm 1975 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn X (thôn G), xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Người làm chứng:*** Anh **Hà Văn L1** (vắng mặt) và chị **Từ Thị Trà G** (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn X (thôn G), xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Hoàng Thị L trình bày: Ông Ngân Văn K và bà Ngân Thị H cùng anh Hà Văn L1, chị Từ Thị Trà G có quan hệ là cậu cháu. Năm 2017 anh Hà Văn L1 và chị Từ Thị Trà G có vay tiền của tôi để đi trả nợ ngân hàng với số tiền là 393.000.000đ. Sau khi trả nợ ngân hàng xong vì bị nợ xấu nên anh L1, chị G và ông K, bà H đã thỏa thuận ông K, bà H đứng ra nhận nợ cho tôi và nhận hết tài sản của anh L1, chị G để đi vay ngân hàng trả nợ cho tôi, thì tôi đồng ý. Việc thỏa thuận và bàn giao tài sản có mặt ba bên, đồng thời ông K, bà H đứng ra nhận nợ của tôi thay cho anh L1, chị G. Khi làm được thủ tục sang tên bìa đỏ cho ông K, bà H thì ông bà có đi vay ngân hàng và đã trả bớt cho tôi được 120.000.000đ và hẹn sau này có vay

ngân hàng thêm thì trả tiếp cho tôi, chúng tôi thỏa thuận miệng là 01 năm sau là phải trả hết số nợ mà anh L1, chị G đã chuyển giao cho ông K, bà H.

Sau khi ba bên thống nhất số tiền gốc, lãi anh L1, chị G còn nợ tôi, chuyển giao số tiền anh L1, chị G còn nợ tôi sang cho ông K, bà H nhận nợ thay và ông bà có nghĩa vụ trả nợ cho tôi, thì ngày 05/9/2018 giữa tôi và ông K, bà H có lập 01 giấy vay tiền đề ngày 05/9/2018 ghi số tiền vay 275.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất, hẹn vay ngân hàng xong là trả nợ cho tôi, thì thời hạn trả nợ cuối cùng là 01 năm sau, tức là ngày 05/9/2019. Giấy vay tiền đề ngày 05/9/2018 tôi là người trực tiếp viết giấy, sau khi đọc xong các nội dung đã thỏa thuận thì ông K, bà H có ký - viết xác nhận tại mục người vay. Tôi có yêu cầu ông K, bà H trả nợ nhiều lần, nhưng ông bà thách thức và không có thiện chí trả nợ cho tôi.

Vì vậy, tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ngân Văn K, bà Ngân Thị H phải trả số nợ gốc 275.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Qua trình giải quyết vụ án ông Ngân Văn K và bà Ngân Thị H trình bày: Ông, bà không quen biết bà L và không có vay tiền của bà L. Giấy vay tiền ngày 05/9/2018 không phải là chữ ký, chữ viết của ông, bà. Ông, bà xác nhận chỉ ký giấy tạm ứng của bà L với số tiền 75.000.000đ để trả nợ thay cho anh L1, chị G để hoàn tất thủ tục tách thửa sang tên thửa đất của anh L1, chị G cho ông, bà. Đối với số tiền này ông, bà đã trả cho bà L vì vậy không còn nợ bất cứ khoản nợ nào.

Ông, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông, bà phải trả số tiền 275.000.000đ, vì ông, bà không ký vào giấy vay tiền ngày 05/9/2018 của bà L.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thừa nhận chữ ký, chữ viết của mình trong giấy vay tiền. Vì vậy, nguyên đơn đã yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bị đơn trong giấy vay tiền ngày 05/9/2018. Tại kết luận giám định số 445/KL-KTHS ngày 09/4/2024 của Phòng K1 - Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Ngân Văn K và Ngân Thị H dưới mục “Người vay” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết mang tên Ngân Văn K và Ngân Thị H trên tài liệu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký và viết ra.

Người làm chứng anh Hà Văn L1 vắng mặt; Chị Từ Thị Trà G trình bày: Không biết nội dung thỏa thuận giữa bà L với ông K, bà H. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị giải quyết theo qui định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, trong đó trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đương sự tuân thủ nội quy phiên tòa và sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 400, 463, 466 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Ngân Văn K và bà Ngân Thị H phải cho bà Hoàng Thị L số tiền 275.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng: Giữa bà Hoàng Thị L ông Ngần Văn K, bà Ngần Thị H có xác lập giao dịch vay tiền nhưng đến hạn trả nợ mà không trả nợ cho bà Hoàng Thị L. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Hoàng Thị L đã khởi kiện tại Tòa án. Vì vậy, HĐXX xác định quan hệ pháp luật giữa các bên là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Bị đơn ông Ngần Văn K và bà Ngần Thị H, trú tại thôn X (thôn G), xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn HĐXX xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu đã thu thập và ý kiến của đương sự có mặt trong quá trình giải quyết vụ án có cơ sở xác định: Giữa bà Hoàng Thị L với ông Ngần Văn K, bà Ngần Thị H có xác lập giao dịch vay tiền, bằng việc lập biên nhận vay tiền ngày 05/9/2018. Với nội dung ông Ngần Văn K và bà Ngần Thị H có vay bà Hoàng Thị L số tiền 275.000.000đ (Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng), hẹn vay ngân hàng xong sẽ trả đủ. Đến nay ông Ngần Văn K và bà Ngần Thị H vẫn chưa trả nợ cho bà L. Vì vậy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả nợ là phù hợp với qui định pháp luật.

Về số tiền vay, trách nhiệm trả nợ: Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 05/9/2018 do nguyên đơn cung cấp và lời khai của các đương sự xác định số tiền vay của ông Ngần Văn K và bà Ngần Thị H là 275.000.000đ (Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không thừa nhận có vay nợ và chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền là của bị đơn. Tuy nhiên kết luận giám định số 445/KL-KTHS ngày 09/4/2024 của Phòng K1 - Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Ngần Văn K và Ngần Thị H dưới mục “Người vay” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết mang tên Ngần Văn K và Ngần Thị H trên tài liệu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký và viết ra. Bị đơn xác nhận có vay nợ số tiền 75.000.000đ của bà L và đã trả hết, nhưng bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Vì vậy, có căn cứ để xác định chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền là của bị đơn và đến nay vẫn chưa trả nợ cho nguyên đơn. Nên HĐXX thấy cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ đã vay chưa trả là 275.000.000đ.

Về lãi suất vay: Căn cứ vào giấy vay tiền mà các bên đã ký, xác định khoản vay không có thỏa thuận lãi suất. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả nợ gốc và không yêu cầu tính lãi. HĐXX, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nên cần chấp nhận.

[3]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, để đảm bảo quyền lợi cho bên bị vi phạm, HĐXX xét thấy cần áp dụng các Điều 400, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L, buộc ông Ngần Văn K và bà Ngần Thị H phải trả cho bà Hoàng Thị L toàn bộ số tiền là 275.000.000đ.

[4]. Về chi phí tố tụng: Theo kết luận giám định xác định chữ ký, chữ viết

trong giấy vay tiền ngày 05/9/2018 là chữ ký, chữ viết của ông Ngân Văn K và bà Ngân Thị H. Vì vậy, căn cứ vào Điều 160, 161 Bộ luật tố tụng dân sự ông Ngân Văn K và bà Ngân Thị H phải chịu toàn bộ chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.260.000đ.

Bà Hoàng Thị L được hoàn trả số tiền tạm ứng chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.260.000đ, sau khi thu được của ông Ngân Văn K và bà Ngân Thị H.

[5]. Về án phí: Ông Ngân Văn K và bà Ngân Thị H phải chịu mức án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: $275.000.000đ \times 5\% = 13.750.000đ$.

Vì yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Hoàng Thị L được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 144, Điều 147, 160, 161, 162, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 400, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L.

1. Buộc ông Ngân Văn K và bà Ngân Thị H phải trả cho bà Hoàng Thị L tổng số tiền 275.000.000đ (Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/8/2024) cho đến khi thi hành án xong ông Ngân Văn K và bà Ngân Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Ngân Văn K và bà Ngân Thị H phải chịu 5.260.000đ (Năm triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

Hoàn trả cho bà Hoàng Thị L số tiền 5.260.000đ, sau khi thu được của ông Ngân Văn K và bà Ngân Thị H.

3. Về án phí: Ông Ngân Văn K và bà Ngân Thị H phải chịu 13.750.000đ (Mười ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho bà Hoàng Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.875.000đ (Sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002511 ngày 12 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lương Thị Ngọc